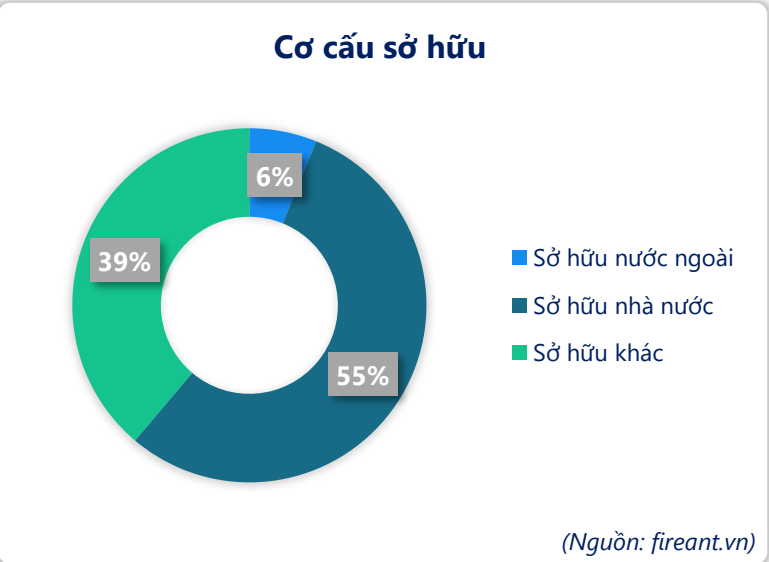
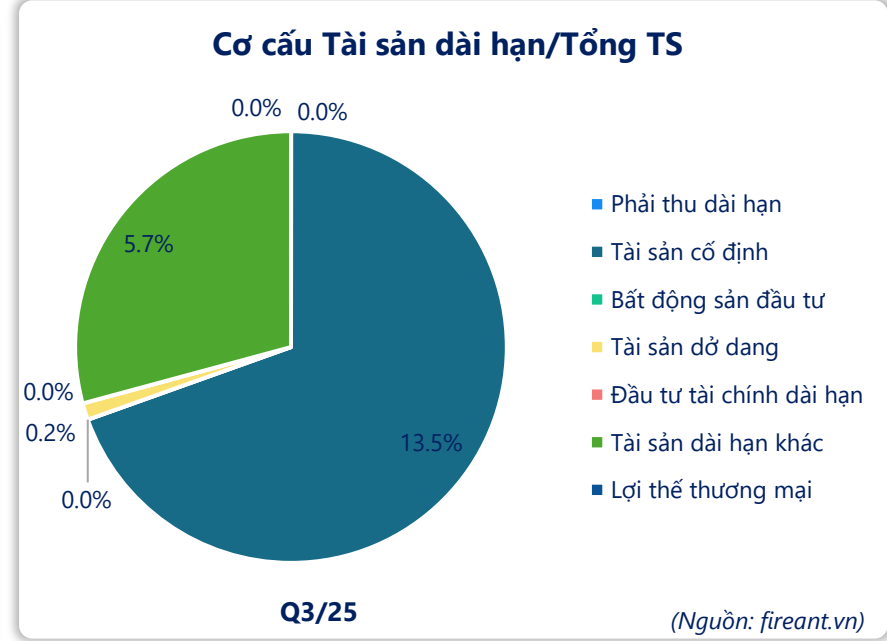
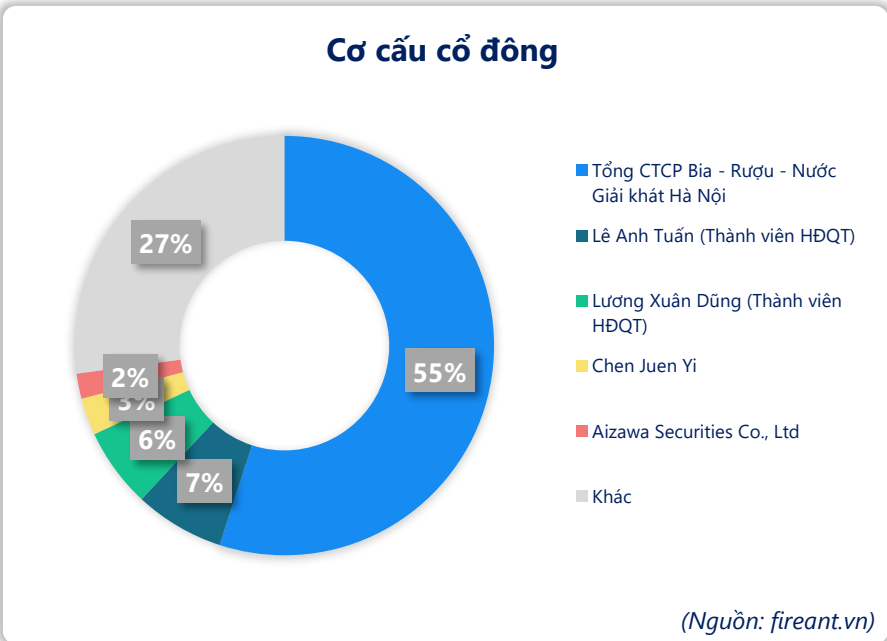
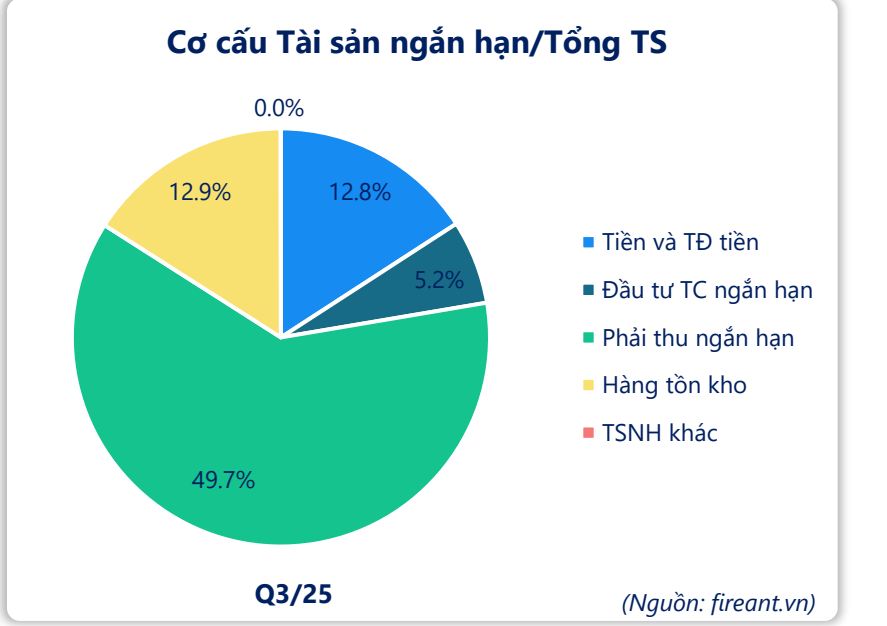
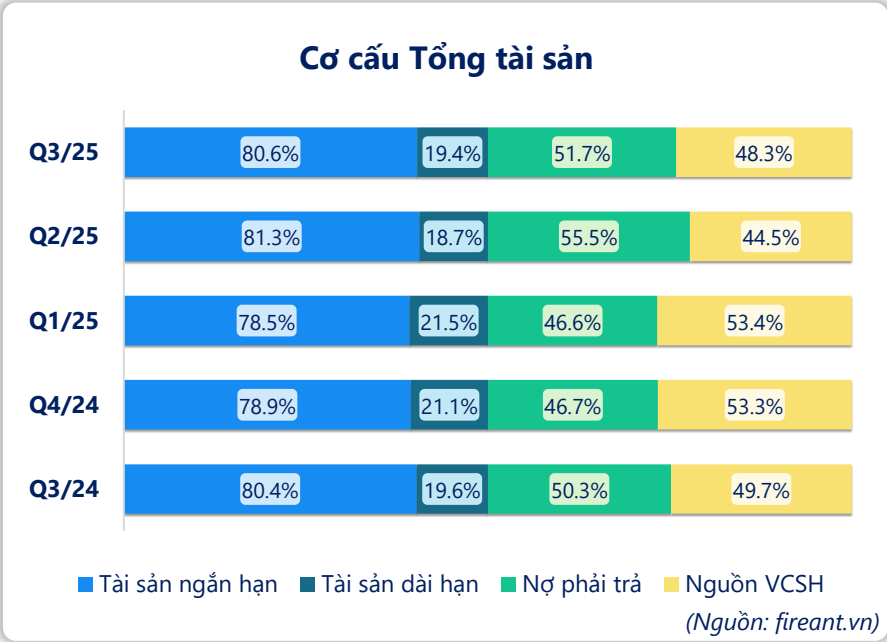


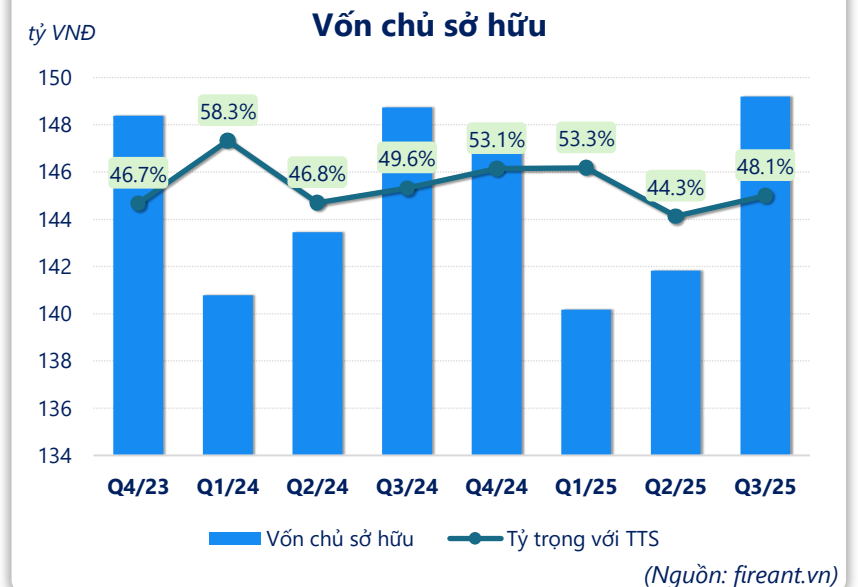
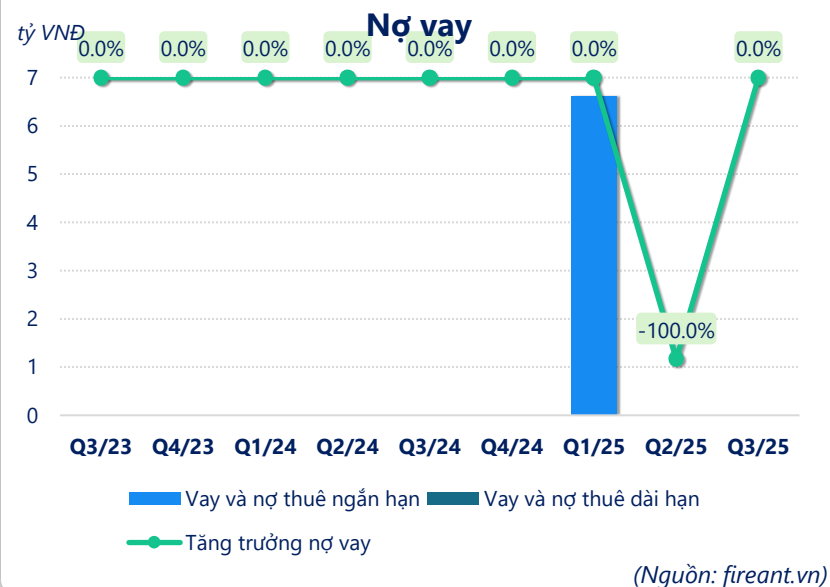
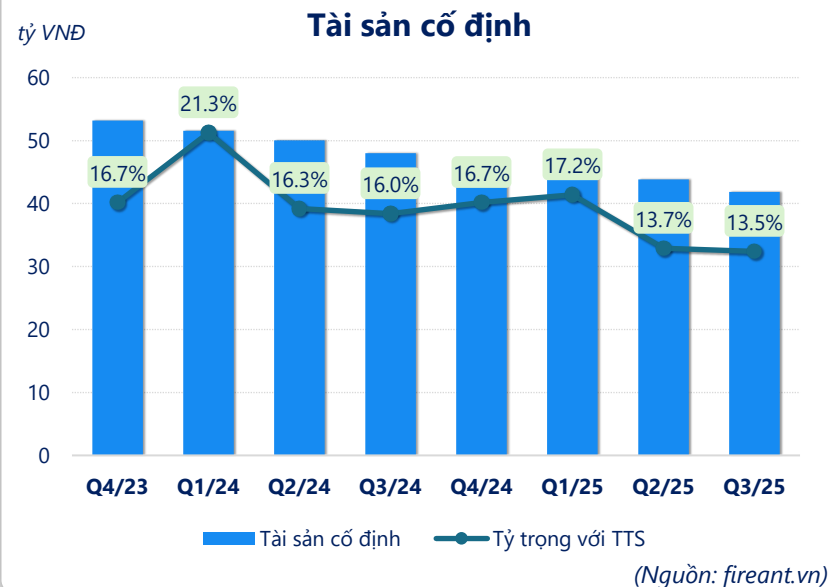
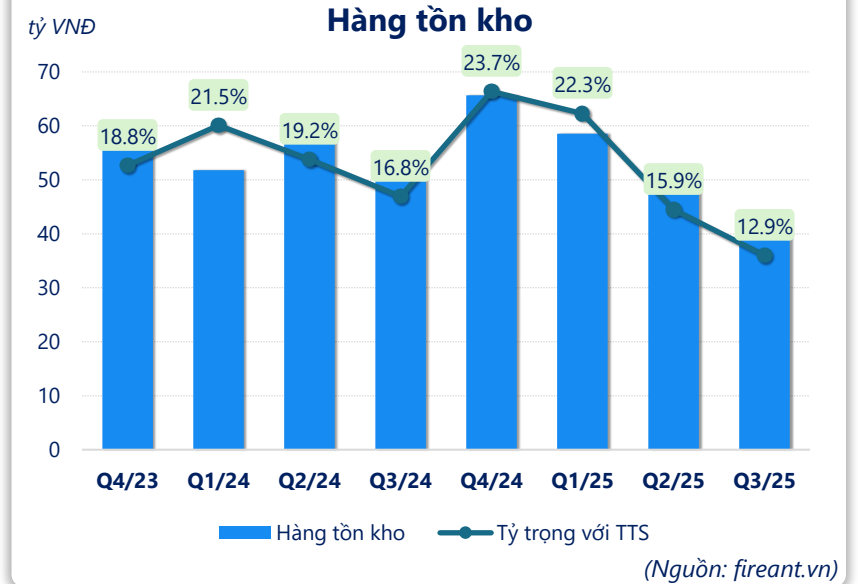
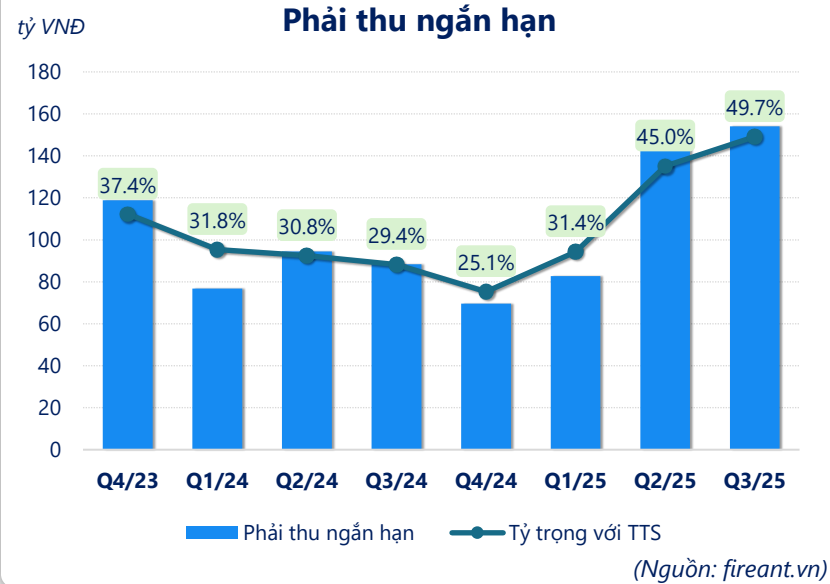
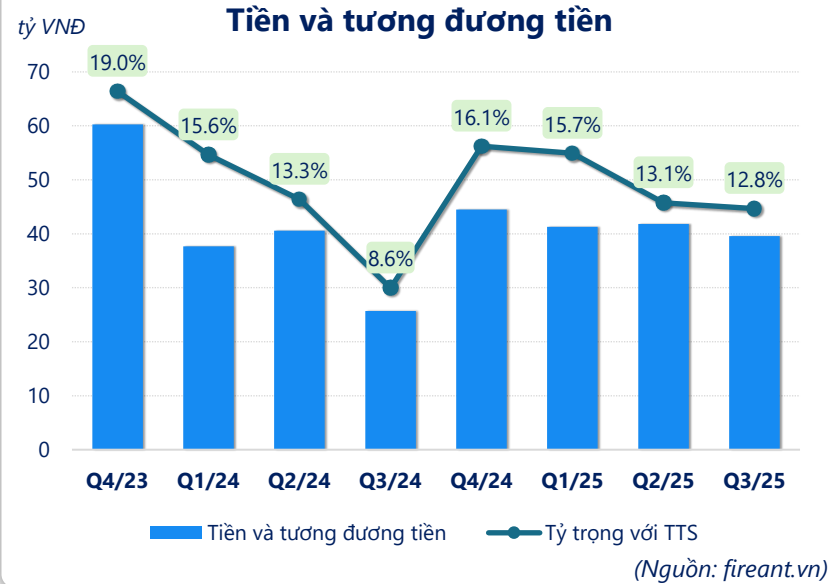
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,005
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,912
SL cổ phiếu LH		11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)		180
% sở hữu nước ngoài		6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		110
P/E		20.2
EPS		474

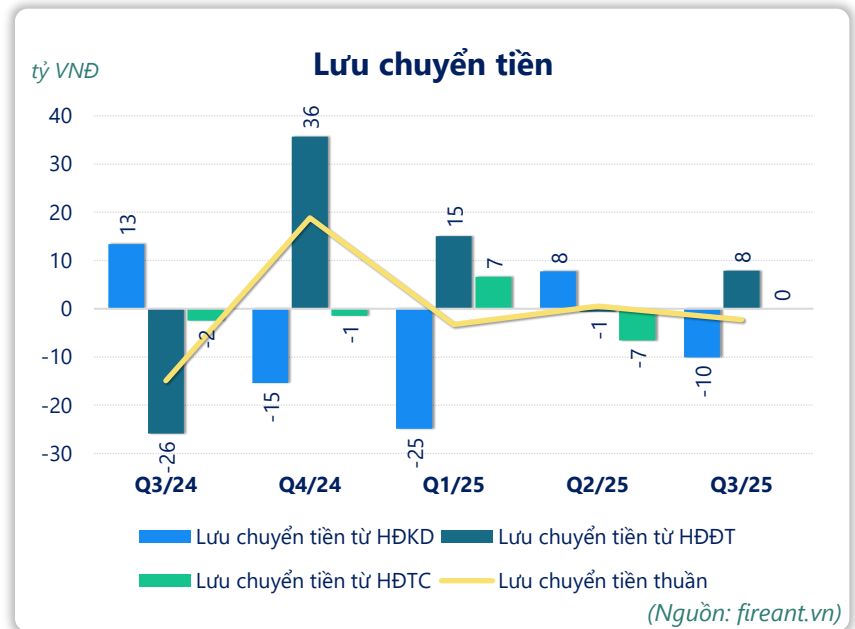
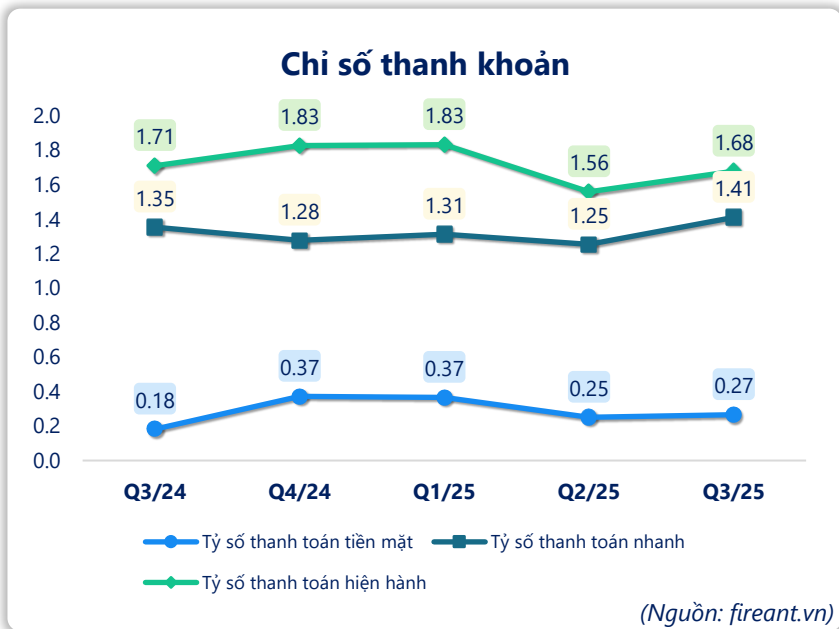
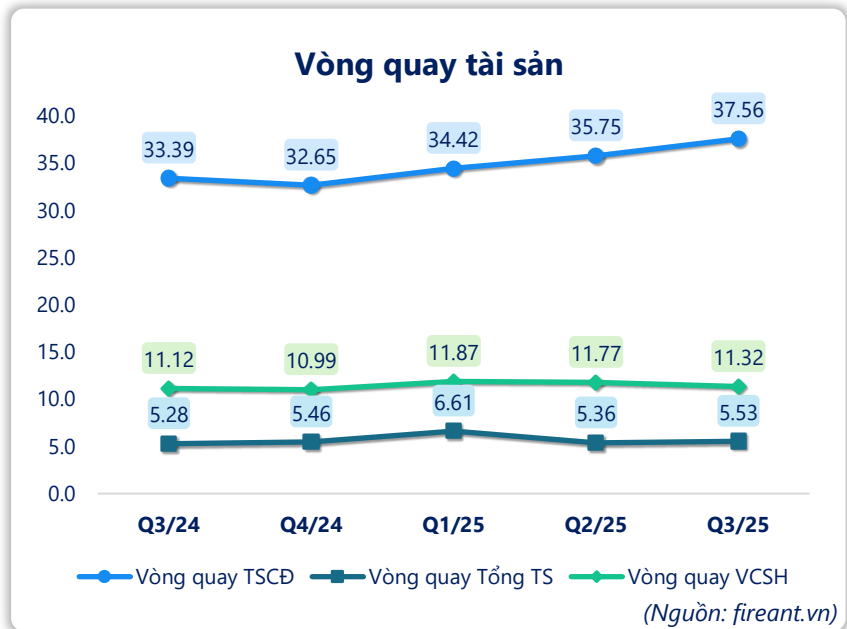
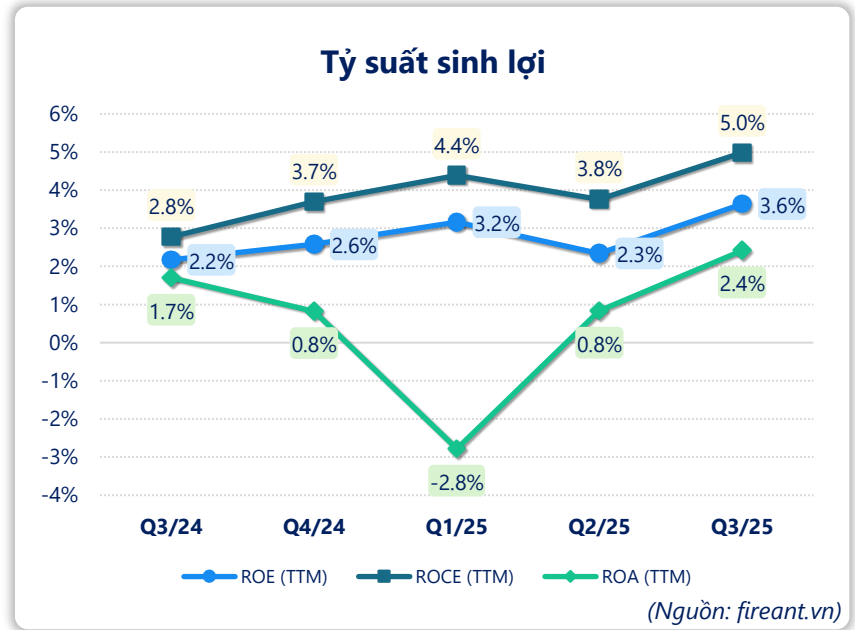
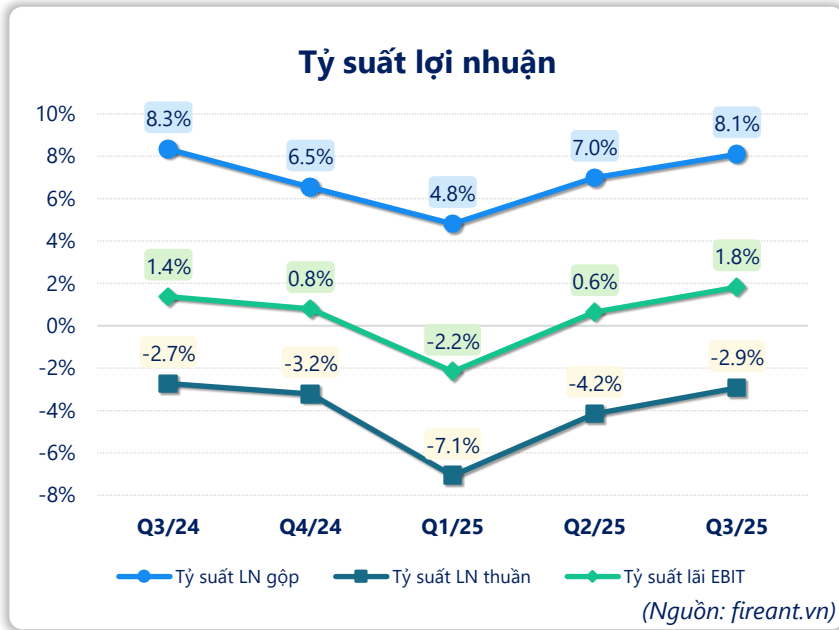
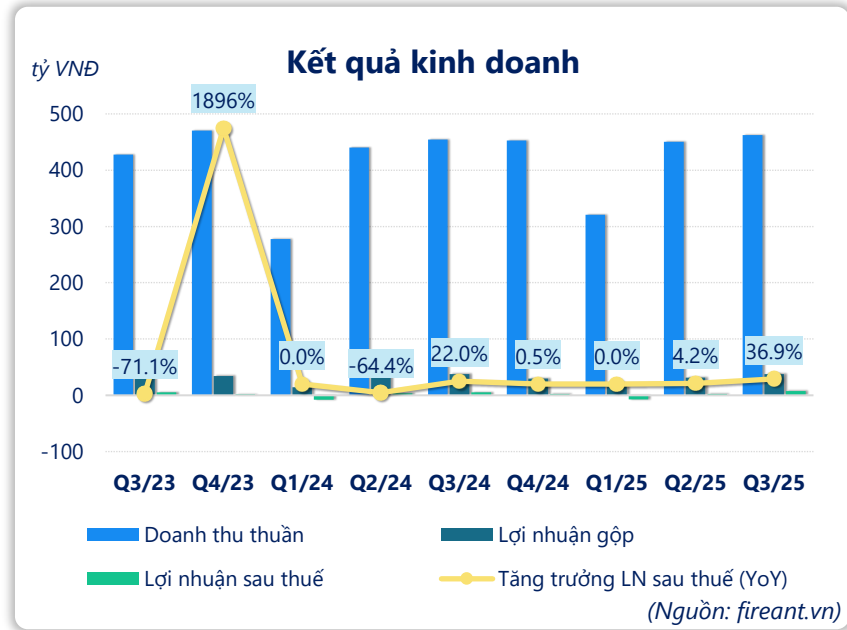
	YTD	1T	3T	6T
THB	-14.8%	-7.5%	-2.0%	-8.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa (HNX: THB)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	310	280	10.7%
Tài sản ngắn hạn	250	222	12.8%
Tiền và tương đương tiền	39.6	44.5	-11.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.2	38.1	-57.4%
Phải thu ngắn hạn	154	72.5	113%
Hàng tồn kho	39.9	65.7	-39.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.72	-94.3%
Tài sản dài hạn	60.2	58.5	2.9%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	41.8	46.4	-9.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.76	1.35	-43.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	17.6	10.8	63.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	160	132	21.1%
Nợ ngắn hạn	149	123	21.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	38.4	6.58	484%
Nợ dài hạn	11.6	9.86	17.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	150	148	1.4%
Vốn chủ sở hữu	149	147	1.4%
Vốn điều lệ	114	114	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.39	0.39	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	454	453	321	451	463
Giá vốn hàng bán	416	423	305	419	425
Lợi nhuận gộp	37.9	29.6	15.4	31.5	37.5
Doanh thu HĐTC	0.70	0.79	0.31	0.25	0.39
Chi phí TC	0	0.02	0	0.06	0
Chi phí lãi vay	0	0.02	0	0.06	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	37.8	32.8	29.5	38.6	39.3
Chi phí QLDN	13.1	12.2	8.98	11.8	12.1
LN thuần từ HĐKD	-12.4	-14.6	-22.7	-18.7	-13.6
Lợi nhuận khác	18.7	18.2	15.8	21.6	22.0
LN trước thuế	6.26	3.58	-6.95	2.84	8.42
Lợi nhuận sau thuế	5.29	2.45	-7.02	2.62	7.37
LNST của CĐ cty mẹ	5.29	2.45	-7.02	2.62	7.37

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.4	-15.4	-24.9	7.75	-10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.9	35.7	15.0	-0.60	7.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.48	-1.46	6.60	-6.60	0
Tiền đầu kỳ	40.6	25.7	44.5	41.3	41.8
Lưu chuyển tiền thuần	-14.9	18.8	-3.23	0.54	-2.24
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.7	44.5	41.3	41.8	39.6

(Nguồn: fireant.vn)